

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá tác động dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2021

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN:

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021:

Một là, thực hiện Luật NSNN số 83/2015/QH13, Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản hướng dẫn, giao Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2021, trên cơ sở đó trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2021 làm căn cứ để xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các Bộ, địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2021 - 2025, tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao tính minh bạch trong phân bổ, sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên NSNN.

Hai là, thực hiện chủ trương cơ cấu lại thu - chi NSNN và nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ; sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án CCTL theo Nghị quyết số 27-NQ/TW cần thiết có những điều chỉnh trong việc phân bổ nguồn lực NSNN, trong đó có chi thường xuyên cho các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương

Ba là, trong quá trình thực hiện, các căn cứ, tiêu chí tính định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2017 được áp dụng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 đã bộc lộ những điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2021 – 2025; cụ thể:

- Đối với các Bộ, cơ quan Trung ương: Việc yêu cầu các Bộ, cơ quan tự sắp xếp nguồn thực hiện CCTL năm 2017-2018; đồng thời, việc kết cấu chi tiền lương và hoạt động thường xuyên của hợp đồng 68 trong định mức đã dẫn đến khó khăn trong việc tự cân đối nguồn điều chỉnh tiền lương cơ sở tăng thêm theo cơ chế chung. Định mức chi thường xuyên chưa được điều chỉnh tăng trong cả giai đoạn 2017 - 2020 do khó khăn trong cân đối NSTW.

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Nhiều tiêu chí phân bổ không còn phù hợp với thực tế, cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với đặc thù của từng vùng, từng địa phương. Tỷ lệ điều tiết của một số địa phương các năm qua chưa phù hợp. Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều kiến nghị tăng tỷ lệ điều tiết để thành phố có thêm nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2021:

Việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2021, cùng với định mức chi đầu tư phát triển là cơ sở để Chính phủ trình Quốc hội dự toán NSNN và phương án phân bổ NSTW năm 2021, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới, đồng thời, làm cơ sở để xác định tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa NSTW và ngân sách địa phương (NSDP) và số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP (nếu có); căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSDP năm 2021 trình Hội đồng nhân dân quyết định, làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán chi NSDP.

II. CÁC NHÓM CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT:

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2021 gồm:

1. Các cơ chế, chính sách đề xuất đối với định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN các Bộ, cơ quan Trung ương:

Định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2021 của các Bộ, cơ quan trung ương được xây dựng trên nguyên tắc cơ bản kế thừa giai đoạn trước, bao gồm định mức phân bổ lĩnh vực chi quản lý hành chính và định mức phân bổ các lĩnh vực sự nghiệp.

Với nguyên tắc như trên, căn cứ đánh giá thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 theo Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 và Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg và xuất phát từ thực tiễn công tác quản lý, Bộ

Tài chính thấy rằng việc xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2021 của các Bộ, cơ quan Trung ương chủ yếu tập trung nghiên cứu, đề xuất phương án giải quyết 02 nhóm vấn đề chính gồm: (i) một là, điều chỉnh tăng một phần định mức để phù hợp với tình hình thực tế và (ii) hai là, kiến nghị sửa đổi một số cơ chế, chính sách để đảm bảo tuân thủ đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước.

2. Các cơ chế, chính sách đề xuất đối với định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Do các tiêu chí xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN của các địa phương nhằm xác định tổng chi thường xuyên, trong đó có chi tiết chi cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo và lĩnh vực khoa học – công nghệ; vì vậy, phân nhóm cơ chế, chính sách như sau:

- Nhóm tiêu chí phân bổ theo dân số.
- Nhóm tiêu chí phụ, tiêu chí phân bổ để thực hiện một số chế độ, chính sách:

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH:

1. Việc đánh giá tác động của định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2021 của các Bộ, cơ quan trung ương chủ yếu dựa trên các yếu tố sau:

1.1. Về việc điều chỉnh định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

1.1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Định mức phân bổ chi thường xuyên lĩnh vực chi quản lý hành chính tại Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 4/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ được xây dựng trên nền tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng; đến nay, tiền lương cơ sở đã được điều chỉnh nhiều lần, dự kiến sẽ lên mức 1,6 triệu đồng/tháng từ ngày 01/7/2020 (tăng khoảng 32%), một số chế độ chi tiêu được điều chỉnh tăng (như chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí,...) và tăng giá một số mặt hàng thiết yếu. Trong khi đó, định mức phân bổ chi thường xuyên không được điều chỉnh tăng trong suốt giai đoạn 2017-2020, dẫn đến khó khăn cho các Bộ, cơ quan trung ương trong việc cân đối kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên. Vì vậy, việc xem xét, điều chỉnh một phần định mức chi thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế là cần thiết.

1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Điều chỉnh tăng một phần định mức chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN.

1.1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Giải pháp 2: Điều chỉnh tăng một phần định mức phân bổ chi thường xuyên, đảm bảo kinh phí hoạt động bộ máy không giảm so với năm 2017 do tác động của yếu tố giá cả và kinh phí chi trả tiền lương, tiền công thực hiện các hợp đồng lao động, hợp đồng cung cấp dịch vụ theo Nghị quyết 27-NQ/TW (không thấp hơn mức lương thấp nhất vùng của khu vực doanh nghiệp theo Bộ Luật lao động).

1.1.4. Đánh giá tác động của giải pháp:

1.1.4.1. Giải pháp 1:

a) Tích cực: Không phát sinh nhu cầu tăng chi theo định mức.

b) Hạn chế: Không phù hợp với tình hình thực tế. Nếu tiếp tục thực hiện sẽ không giải quyết được vấn đề khó khăn của các Bộ, cơ quan Trung ương, khó đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan.

1.1.4.2. Giải pháp 2:

a) Tích cực: Hỗ trợ tháo gỡ một phần khó khăn cho các Bộ, cơ quan trung ương trong việc cân đối kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Hạn chế: Phát sinh nhu cầu tăng chi theo định mức của lĩnh vực chi QLHC. Với phương án điều chỉnh như trên, dự kiến nhu cầu tăng chi theo định mức của lĩnh vực chi QLHC năm 2021 khoảng hơn 300 tỷ đồng (tương ứng khoảng 0,5%) so với tổng dự toán lĩnh vực QLHC năm 2020.

Tuy nhiên, với mức tăng như trên, kết hợp với việc tiếp tục thực hiện theo chủ trương đổi mới sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW thì về tổng thể nhu cầu chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương năm 2021 không tăng so với năm 2020.

1.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Từ việc đánh giá các tác động tích cực, hạn chế của từng giải pháp, Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn giải pháp 2.

1.2. Sửa đổi quy định về cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị:

1.2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Giai đoạn trước, một số Bộ, cơ quan trung ương được áp dụng cơ chế tài chính gắn với đặc thù của đơn vị theo quy định tại các Văn bản QPPL khác nhau. Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày

27/11/2019, Chính phủ đã cáo Báo cáo số 591/BC-CP báo cáo UBTVQH về cơ chế quản lý tài chính và thu nhập gắn với đặc thù của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước; trong đó, đề xuất từ năm 2021 thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất đối với các đơn vị hành chính nhà nước.

Trên cơ sở Báo cáo số 591/BC-CP của Chính phủ, tại Phiên họp thứ 43 của UBTVQH đã kết luận “*Từ năm 2021, Chính phủ căn cứ vào Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương xây dựng cơ chế về quản lý tài chính và thu nhập của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước đảm bảo đồng bộ, toàn diện và thống nhất, báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật*”.

Như vậy, việc sửa đổi các văn bản QPPL có liên quan để đảm bảo thực hiện đúng chủ trương của Đảng, Kết luận của UBTVQH, đề xuất của Chính phủ là cần thiết. Tuy nhiên, đòi hỏi phải sửa đổi nhiều văn bản QPPL khác nhau, bao gồm cả việc sửa đổi một số Luật, thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

1.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Xây dựng nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên đảm bảo thực hiện đúng chủ trương của Đảng, Kết luận của UBTVQH, đề xuất của Chính phủ

1.2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề:

a) Giải pháp 1: Do chưa thực hiện được việc sửa đổi đồng bộ các văn bản QPPL, vì vậy, trước mắt vẫn tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính như hiện hành.

b) Giải pháp 2: Về nguyên tắc, từ năm 2021, cơ chế quản lý tài chính và thu nhập của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước thực hiện theo nguyên tắc đồng bộ, toàn diện và thống nhất theo quy định của pháp luật.

Đối với các đơn vị có thu phí theo Luật phí và lệ phí thì thực hiện nộp toàn bộ số phí thu được vào NSNN, NSNN bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động.

Đối với các đơn vị có nguồn thu nghiệp vụ lớn theo các Luật chuyên ngành có thể tự đảm bảo kinh phí hoạt động (gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Kho bạc Nhà nước) và đơn vị có nguồn thu phí để lại theo Luật khác ngoài Luật phí và lệ phí (Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại) thì trước mắt, trình UBTVQH cho phép các đơn vị được giữ lại nguồn tài chính để tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi trả tiền lương và kinh phí hoạt động theo các chế độ, định mức chi tiêu theo quy định. Đồng thời, kiến nghị sửa đổi các Văn bản QPPL có liên quan cho phù hợp.

1.2.4. Đánh giá tác động của giải pháp:

1.2.4.1. Giải pháp 1:

a) Tích cực: Đảm bảo tính ổn định, không xáo trộn, không phải sửa đổi nhiều Văn bản QPPL.

b) Hạn chế:

- Chưa phù hợp với chủ trương của Đảng, Kết luận của UBTWQH, đề xuất của Chính phủ;

- Chênh lệch thu nhập giữa các cơ quan hành chính nhà nước;

- Chưa phản ánh đầy đủ các khoản thu – chi của các cơ quan hành chính nhà nước vào NSNN.

1.2.4.2. Giải pháp 2:

a) Tích cực:

- Đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng, Kết luận của UBTWQH, đề xuất của Chính phủ;

- Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất về cơ chế tài chính, thu nhập giữa các cơ quan nhà nước;

- Sau khi sửa đổi đồng bộ các văn bản QPPL có liên quan thì toàn bộ các khoản thu - chi của các cơ quan hành chính nhà nước được phản ánh đầy đủ vào NSNN. Thu – chi NSNN tăng tương ứng phần kinh phí được phản ánh vào nhưng không tác động tới cân đối thu – chi NSNN.

b) Hạn chế: Phải thực hiện sửa đổi nhiều Văn bản QPPL khác nhau, bao gồm một số Luật.

1.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Từ việc đánh giá các tác động tích cực, hạn chế của từng giải pháp, Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn giải pháp 2.

Đồng thời, để thực hiện giải pháp này, trình Chính phủ giao các Bộ, cơ quan trung ương hiện đang được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù chủ trì nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản QPPL có liên quan để đảm bảo việc thực hiện cơ chế tài chính đồng bộ, toàn diện và thống nhất giữa các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.3. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp (không bao gồm lĩnh vực an ninh, quốc phòng).

1.3.1. Xác định vấn đề bất cập:

Định mức phân bổ theo quyết định 46 chỉ đề cập tới hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập, chưa bao quát toàn bộ phần chi thường xuyên NSNN bố trí cho các lĩnh vực sự nghiệp, nhất là khi Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên áp dụng

đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị

1.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bổ sung các quy định thể hiện đầy đủ phần chi thường xuyên NSNN bố trí cho các lĩnh vực sự nghiệp, gồm phần hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập và giao nhiệm vụ, đấu thầu, đặt hàng các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP.

1.3.3. Đề xuất các giải pháp:

a) Giải pháp 1: Giữ như quy định hiện hành.

b) Giải pháp 2: Quy định đầy đủ việc hỗ trợ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập và bố trí kinh phí giao nhiệm vụ, đấu thầu, đặt hàng theo Nghị định 32.

1.3.4. Đánh giá tác động của giải pháp:

1.3.4.1. Giải pháp 1:

a) Tích cực: Không có

b) Hạn chế: Không phù hợp với tình hình thực tế, không bao quát đầy đủ kinh phí cho các lĩnh vực sự nghiệp.

1.3.4.2. Giải pháp 2:

a) Tích cực: Khắc phục được hạn chế của giải pháp 1.

b) Hạn chế: Không có; không phát sinh nhu cầu tăng chi NSNN.

1.3.5. Đề xuất lựa chọn: Trên cơ sở đánh giá tích cực, hạn chế của từng giải pháp, Bộ Tài chính trình Chính phủ lựa chọn Giải pháp 2.

2. Việc đánh giá tác động của định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2021 của địa phương chủ yếu dựa trên các yếu tố sau:

2.1. Nhóm tiêu chí phân bổ theo dân số:

2.1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số quy định tại Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 4/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017 đảm bảo tiền lương cơ sở mức 1.210.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, đến nay quy mô ngân sách đã tăng lên, tiền lương cơ sở năm 2021 dự kiến là 1.600.000 đồng/tháng; do đó, cần xem xét, điều chỉnh tiêu chí phân bổ theo dân số. Đồng thời, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 và giao Chính phủ thực hiện; vì vậy, định mức phân bổ theo

tiêu chí dân số cần ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội (KT – XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.1.2. *Mục tiêu giải quyết vấn đề:* Sửa đổi, bổ sung việc phân vùng dân số để thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14; đồng thời, xem xét nâng mức chi theo đầu dân phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế và chỉ số giá tiêu dùng đảm bảo được tiền lương cơ sở 1.600.000 đồng/tháng.

2.3. *Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:*

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Giải pháp 2: Phân 04 vùng dân số (vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn, vùng đô thị, vùng còn lại) theo số liệu do Tổng cục Thống kê cung cấp và điều chỉnh mức phân bổ theo tiêu chí dân số tăng bình quân 1,2 lần so với định mức năm 2017 (riêng lĩnh vực y tế bằng 60% định mức năm 2017), ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo cao hơn Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg đối với lĩnh vực giáo dục – y tế, an ninh, quốc phòng, đảm bảo xã hội.

2.4. *Đánh giá tác động của giải pháp:*

2.2.4.1. Giải pháp 1:

(1) Tác động về kinh tế:

a) Tích cực: Mức chi phân vùng dân số không thay đổi nên không phát sinh thêm chi phí để phổ biến cho các cơ quan, đơn vị.

b) Hạn chế: Tiêu chí không được sửa đổi nên chưa khắc phục được những hạn chế nhằm đảm bảo phân bổ ngân sách công bằng hơn, phù hợp hơn tình hình phát triển KT – XH của từng địa phương.

(2) Tác động về xã hội:

a) Tích cực: Chính sách thực hiện như giai đoạn trước nên giữ ổn định xã hội.

b) Hạn chế: Chưa khắc phục được một số tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện; cũng như chưa triển khai Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội.

(3) Tác động đối với quốc phòng, an ninh:

a) Tích cực: Chính sách được giữ ổn định nên không tạo xáo trộn trong xã hội, góp phần đảm bảo an ninh.

b) Hạn chế: Chưa thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch xuyên tạc, gây mất lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước.

(4) Tác động về giới: Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.2.4.2. Giải pháp 2:

(1) Tác động về kinh tế: Phân bổ ngân sách cho các địa phương đảm bảo công bằng hơn, đáp ứng các yêu cầu phát triển KT – XH của địa phương, ưu tiên ở mức cao hơn đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi đối với sự nghiệp giáo dục – đào tạo, y tế, an ninh, quốc phòng, đảm bảo xã hội.

(2) Tác động về xã hội: Tăng cường công khai, minh bạch; ưu tiên nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

b) Hạn chế: Một số địa bàn vùng miền núi chưa được ưu tiên trong phân bổ nên cần làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến tới người dân.

(3) Tác động đối với quốc phòng, an ninh:

a) Tích cực: Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới.

b) Hạn chế: Phân vùng dân số đã thay đổi so với trước đây, cần tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân để đảm bảo an ninh, trật tự xã hội.

(4) Tác động về giới

Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Lựa chọn giải pháp 2, thẩm quyền ban hành chính sách là Ủy ban thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Nhóm tiêu chí phụ, tiêu chí phân bổ để thực hiện một số chế độ, chính sách:

2.2.1. *Xác định vấn đề bất cập:* Định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên năm 2017 đã có nhiều tiêu chí bổ sung; tuy nhiên đến nay, một số tiêu chí phân bổ không còn phù hợp với thực tế như hỗ trợ huyện đảo tiền điện, hỗ trợ các cơ quan chuyên môn đặc thù; nhiều tiêu chí cần được bổ sung để phù hợp với đặc thù của từng vùng, từng địa phương như: tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo cao

hơn mức bình quân cả nước, mật độ dân số, số đơn vị hành chính cấp huyện ít nhưng vẫn phải đảm bảo các nhiệm vụ theo quy định, một số địa phương có diện tích rừng lớn, bờ biển dài nhưng vẫn chưa có tiêu chí ưu tiên phân bổ,... Một số nhiệm vụ chi của NSTW nay giao cho địa phương thực hiện nên cần phải có tiêu chí phân bổ bổ sung để các địa phương có nguồn lực triển khai (đường tuần tra biên giới trước đây do Bộ Quốc phòng quản lý, nay giao cho địa phương quản lý).

2.2.2. *Mục tiêu giải quyết vấn đề:* Bãi bỏ các tiêu chí không còn phù hợp; đồng thời, nghiên cứu, bổ sung các tiêu chí để phù hợp với tình hình KT – XH của địa phương, ưu tiên các địa phương có bờ biển dài, diện tích rừng lớn, tỷ lệ hộ nghèo lớn; đảm bảo được các nhiệm vụ phát sinh thêm so với thời kỳ trước.

2.2.3. *Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:*

a) Giải pháp 1: Thực hiện theo mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Giải pháp 2: Bãi bỏ tiêu chí bổ sung hỗ trợ các huyện đảo, hỗ trợ cơ quan chuyên môn đặc thù, bổ sung thêm tiêu chí hỗ trợ địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn mức bình quân cả nước; có số đơn vị hành chính cấp huyện ít; diện tích rừng tự nhiên lớn, bờ biển dài; điều chỉnh tiêu chí mật độ dân số; bổ sung thêm tiêu chí thực hiện một số nhiệm vụ như duy tu, bảo dưỡng đường tuần tra biên giới, bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người làm nông nghiệp có mức sống trung bình để địa phương có nguồn lực thực hiện các chính sách và tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Điều chỉnh tỷ lệ chi giữa quỹ lương và chi khác của lĩnh vực giáo dục – đào tạo và hành chính để phù hợp với tốc độ tăng lương cơ sở trong những năm vừa qua và chỉ giá tiêu dùng.

2.2.4. *Đánh giá tác động của các giải pháp:*

2.2.4.1. Giải pháp 1:

(1) Tác động về kinh tế:

a) Tích cực: Các tiêu chí bổ sung không thay đổi nên không phát sinh thêm chi phí để phổ biến cho các cơ quan, đơn vị.

b) Hạn chế: Chưa phân bổ ngân sách đảm bảo nguồn lực các nhiệm vụ chi phục vụ phát triển KT – XH của địa phương; chưa đảm bảo công bằng hơn trong việc phân bổ ngân sách.

(2) Tác động về xã hội:

a) Tích cực: Chính sách thực hiện như giai đoạn trước nên giữ ổn định xã hội.

b) Hạn chế: Một số tiêu chí không còn phù hợp nhưng không được sửa đổi có thể dẫn đến sự không đồng thuận trong xã hội.

(3) Tác động về quốc phòng, an ninh:

a) Tích cực: Chính sách không thay đổi so với định mức giai đoạn trước nên không tạo sự xáo trộn trong xã hội.

b) Tiêu cực: Chính sách chưa đảm bảo đủ nguồn lực cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ đặc thù về quốc phòng, an ninh.

(4) Tác động về giới: Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.2.4.2. Giải pháp 2:

(1) Tác động về kinh tế:

a) Tích cực: Chính sách bãi bỏ những tiêu chí không còn phù hợp, bổ sung thêm một số tiêu chí để góp phần thực hiện phân bổ ngân sách công bằng hơn và đáp ứng nguồn lực phát triển KT – XH tại địa phương.

b) Hạn chế: Việc thay đổi chính sách sẽ phát sinh chi phí phổ biến, hướng dẫn thực hiện tới các cơ quan, đơn vị; tuy nhiên, kinh phí phát sinh không lớn và nằm trong dự toán chi hoạt động của các cơ quan.

(2) Tác động về xã hội:

a) Tích cực: Chính sách tăng cường công khai, minh bạch; thể hiện sự ưu tiên phân bổ nguồn lực của Nhà nước đối với người nghèo, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số nên tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

b) Hạn chế: Một số tiêu chí bổ sung bị bãi bỏ, tỷ lệ chi khác (không bao gồm tiền lương và các khoản chi cho con người) của lĩnh vực giáo dục giảm so với trước kia (định mức năm 2017, tỷ lệ chi khác của giáo dục 18%, năm 2021 dự kiến là 17%; nhưng thực chất căn cứ tốc độ tăng lương giai đoạn 2017 – 2020 và chỉ số giá tiêu dùng thì tỷ lệ này là 16%) như vậy đã thể hiện ưu tiên phân bổ cho sự nghiệp giáo dục nên cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để tạo sự đồng thuận trong xã hội.

(3) Tác động về quốc phòng, an ninh :

a) Tích cực: Bổ sung các tiêu chí cần thiết và nâng mức chi để thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo.

b) Tiêu cực: Việc bãi bỏ, điều chỉnh các tiêu chí bổ sung cần làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến cho người dân để ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội.

(4) Tác động về giới: Cơ chế, chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và việc thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(5) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách không tạo ra thủ tục hành chính.

(6) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

2.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Lựa chọn giải pháp 2, thẩm quyền ban hành chính sách là Ủy ban thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ.

IV. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Việc thực hiện Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sẽ chịu sự giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật./.